

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỎ CÀY BẮC  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 02 - 11 - 2018.

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Việt Thiện.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Huỳnh Văn Nhi.

Bà Nguyễn Thị Kim Oanh.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Châm - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2018/TLST - HNGĐ, ngày 14/3/2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2018/QĐXXST - HNGĐ, ngày 21/9/2018, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Anh Phan Văn Đ, sinh năm 1984 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

***Bị đơn:*** Chị Lê Hồng L, sinh năm 1987 (vắng mặt không lý do).

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn xin ly hôn ngày 27/02/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phan Văn Đ trình bày: Anh và chị Lê Hồng L kết hôn trên cơ sở quen biết, tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 22/9/2005, sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc khoảng 05 năm thì chị L tự ý đi theo người đàn ông khác, vợ chồng đã ly thân cách nay hơn 07 năm, thời gian ly thân không có hàn gắn đoàn tụ. Nay anh yêu cầu ly hôn với chị L. Con chung anh yêu cầu trực tiếp nuôi hai cháu

Phan Quốc V, sinh ngày 22/5/2005 và Phan Thị Cẩm H, sinh ngày 17/10/2007 hiện nay đang sống chung với anh, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có.

Bị đơn chị Lê Hồng L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có lời trình bày hay ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa bà Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn còn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình cho anh Phan Văn Đ được ly hôn với chị Lê Hồng L; về con chung anh Đ trực tiếp nuôi cháu Phan Quốc V, sinh ngày 22/5/2005 và Phan Thị Cẩm H, sinh ngày 17/10/2007 hiện nay đang sống chung với anh Đ, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Đ không có yêu cầu; tài sản chung và nợ chung anh Đ trình bày không có nên không đề cập.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bị đơn chị Lê Hồng L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Hồng L.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa anh Phan Văn Đ và chị Lê Hồng L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh Đ và chị L kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 22/9/2005, quá trình kết hôn của anh chị tuân thủ đúng quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc khoảng 05 năm thì ly thân, theo anh Đ trình bày thì chị L đi theo người đàn ông khác, thời gian anh chị sống ly thân đã hơn 07 năm nhưng anh chị không có gặp gỡ, không cùng nhau tìm giải pháp để hàn gắn, xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ mà ngược lại tình cảm của anh chị đã ngày càng phai nhạt, không còn sự quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, trong quá trình giải quyết vụ án chị L cũng có ý thức bỏ mặc, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ với anh Đ. Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ xác định mâu thuẫn tình cảm giữa anh chị là đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của anh Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống anh Đ và chị L có hai con chung tên Phan Quốc V, sinh ngày 22/5/2005 và Phan Thị Cẩm H, sinh ngày 17/10/2007 hiện nay đang sống chung với anh Đ, khi ly hôn anh Đ yêu cầu được nuôi hai con không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con, đối với chị L không có yêu cầu giải quyết gì về con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi anh chị sống ly thân đến nay cháu V và cháu H sống chung với anh Đ, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án lấy ý kiến thì hai cháu cũng có nguyện vọng sống chung với anh Đ,

do đó để bảo đảm sự ổn định cho cuộc sống, học tập cũng như thỏa mãn nguyện vọng của hai cháu cần để cho anh Đ được tiếp tục nuôi con là phù hợp, do anh Đ không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của anh nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị L.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ trình bày không có, đối với chị L trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến hay yêu cầu gì về các vấn đề này nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xác định anh chị có tài sản chung và nợ chung hay không nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp thì có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Anh Phan Văn Đ phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của bà Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

#### **Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phan Văn Đ.

Anh Phan Văn Đ được ly hôn với chị Lê Hồng L.

[2] Về con chung: Anh Phan Văn Đ trực tiếp nuôi hai cháu Phan Quốc V, sinh ngày 22/5/2005 và Phan Thị Cẩm H, sinh ngày 17/10/2007 hiện nay đang sống chung với anh Đ, chị Lê Hồng L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Đ không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ nộp án phí: Án phí ly hôn anh Phan Văn Đ phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxx, ngày 14/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre nên không còn phải nộp thêm.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[6] Về việc thi hành bản án khi có hiệu lực pháp luật: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre  
(Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre  
(ĐKKH số xx, ngày 22/9/2005) (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: HS, VT (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Việt Thiện**